

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2016

Tháng 2 năm 2016

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	900	902	2	12.870	25.740	
102	8	886	888	2	12.870	25.740	
103	6	643	650	7	12.870	90.090	
104	8	594	597	3	12.870	38.610	
105	8	540	545	5	12.870	64.350	
106	8	503	503	0	12.870	0	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	766	774	8	12.870	102.960	
110	7	360	364	4	12.870	51.480	
111	8	526	527	1	12.870	12.870	
112	8	823	828	5	12.870	64.350	
113	6	631	636	5	12.870	64.350	
114	7	611	616	5	12.870	64.350	
201	7	756	762	6	12.870	77.220	
202	8	563	570	7	12.870	90.090	
203	7	1303	1308	5	12.870	64.350	
204	8	766	770	4	12.870	51.480	
205	8	11	18	7	12.870	90.090	
206	8	848	860	12	12.870	154.440	
207	8	1204	1216	12	12.870	154.440	
208	8	928	933	5	12.870	64.350	
209	8	1118	1121	3	12.870	38.610	
210	8	1094	1099	5	12.870	64.350	
211	8	1364	1369	5	12.870	64.350	
212	8	860	866	6	12.870	77.220	
213	8	914	917	3	12.870	38.610	
214	8	927	931	4	12.870	51.480	
301	7	854	859	5	12.870	64.350	
302	8	914	922	8	12.870	102.960	
303	8	1056	1062	6	12.870	77.220	
304	8	781	785	4	12.870	51.480	
305	7	787	797	10	12.870	128.700	
306	8	954	960	6	12.870	77.220	
307	PSHC				12.870	0	

308					12.870	0
309	8	786	792	6	12.870	77.220
310	8	798	802	4	12.870	51.480
311	8	713	715	2	12.870	25.740
312	8	730	734	4	12.870	51.480
313	8	736	739	3	12.870	38.610
314	0	874	877	3	12.870	38.610
401	8	834	839	5	12.870	64.350
402	8	762	765	3	12.870	38.610
403	8	890	893	3	12.870	38.610
404	8	737	744	7	12.870	90.090
405	8	469	476	7	12.870	90.090
406	8	594	599	5	12.870	64.350
407	8	686	694	8	12.870	102.960
408	8	720	723	3	12.870	38.610
409	8	474	477	3	12.870	38.610
410	8	594	598	4	12.870	51.480
411	7	562	568	6	12.870	77.220
412	7	490	497	7	12.870	90.090
413	7	692	693	1	12.870	12.870
414	8	450	453	3	12.870	38.610
501	7	605	609	4	12.870	51.480
502	8	448	454	6	12.870	77.220
503	5	418	421	3	12.870	38.610
504	6	439	444	5	12.870	64.350
505	7	470	471	1	12.870	12.870
506	6	467	471	4	12.870	51.480
507	8	340	344	4	12.870	51.480
508	8	322	329	7	12.870	90.090
509	7	538	543	5	12.870	64.350
510	8	301	304	3	12.870	38.610
511	6	365	371	6	12.870	77.220
512	6	400	400	0	12.870	0
513	0	338	342	4	12.870	51.480
514	7	485	489	4	12.870	51.480
Cộng	484			313		4.028.310

(Bằng chữ: Bốn triệu không trăm hai mươi tám nghìn ba trăm mười đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP